

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/DS-PT

Ngày: 15-5-2019

V/v: “Tranh chấp đòi tài sản theo HĐ cầm cố”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền

Các Thẩm phán: Ông Phạm Lâm Đồng

Ông Trần Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 165/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản theo hợp đồng cầm cố”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2019/QĐPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1976; địa chỉ: huyện Th, Tp. Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trương Minh Tr, sinh năm 1956. Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Lê Chí Th**, sinh năm 1966; địa chỉ: huyện Th, Tp. Cần Thơ. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Minh Tr**, sinh năm 1955; địa chỉ: huyện Th, Tp. Cần Thơ. Vắng mặt

3.2. Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1977; địa chỉ: huyện Thi, Tp. Cần Thơ. Vắng mặt

4. Người kháng cáo: Ông Lê Chí Th và ông Lê Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày:* vào ngày 06/11/2006 ông có nhận cầm cố của ông Lê Chí Th quyền sử dụng đất diện tích 16.030m² (hơn 12 công tầm 03m) thuộc thửa số 493, tờ bản đồ số 11, tọa lạc hiện nay tại huyện Th, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Minh Tr đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 110 chỉ vàng 24k, khi cố đất có làm giấy tay, ông Th có ký nhận với thời hạn cố đất là 02 năm. Sau khi ký hợp đồng, ông đã giao vàng cho ông Th thành 02 lần: lần 01 vào ngày: 06/11/2006 ông giao cho ông Th 70 chỉ vàng 24k, lần 02 vào ngày: 04/02/2007 ông giao cho ông Th 40 chỉ vàng 24k. Sau khi giao vàng thì ông Th giao đất cho ông canh tác, khi đến thời hạn chuộc lại đất, ông Th không chuộc lại đất nên ông tiếp tục canh tác đến năm 2016 thì phần đất này bị phát mãi để thu hồi nợ. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Lê Chí Th trả cho ông 110 chỉ vàng 24k và bồi thường cho ông khoản tiền tương đương với thời gian ông không canh tác được phần diện tích đất nhận cầm cố mỗi tháng 3.000.000 đồng (tạm tính đến ngày khởi kiện) là 18 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 54.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại này.

- *Bị đơn ông Lê Chí Th trình bày:* Vào năm 2006 ông có đứng tên thay cho ông Lê Văn S – ngụ xã X để cầm cố cho ông Huỳnh Thanh T quyền sử dụng đất với diện tích, số vàng như ông T trình bày. Ông đã nhận đủ số vàng mà ông T đưa, sau đó ông giao lại cho ông S. Sau đó thì sự việc như thế nào thì ông không biết vì ông chỉ đứng tên cố đất thay cho ông S. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T vì ông chỉ đứng tên cố đất giùm ông S và ông T cũng biết phần diện tích đất nhận cầm cố là do ông Nguyễn Minh Tr đứng tên, ông Tr đã cầm cố cho ông Lê Văn S và ông là người đứng ra cố đất lại giùm cho ông S.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày:* Vào năm 2005, ông có nhận cố đất của ông Nguyễn Minh Tr với giá 110 chỉ vàng 24k. Đến năm 2006, ông có yêu cầu ông Tr chuộc lại đất nhưng ông Tr không chuộc. Cùng trong năm 2006 thì ông có nhờ ông Lê Chí Th đứng tên cố đất lại phần diện tích đất này cho ông Huỳnh Thanh Tn với giá 110 chỉ vàng 24k. Khi cố đất cho ông T thì ông có thông báo cho ông Tr và ông Tr cũng đồng ý. Đồng thời, ông T cũng biết đây là quyền sử dụng đất do ông Tr đứng tên (do phần đất này gần nhà ông T). Sau khi hai bên thống nhất cố đất thì ông đã giao đất cho ông T canh tác và ông T đã giao vàng cho ông Th và ông Th đã giao vàng lại cho ông. Do khi cầm cố quyền sử dụng đất cho ông T thì giữa ông với ông T và ông Th đã thông báo cho ông Tr và được sự thống nhất giữa ông T với ông T nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T. Ông yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr có nghĩa vụ trả lại vàng và thỏa thuận bồi thường với ông Huỳnh Thanh T.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Tr trình bày:* Vào năm 2005, ông có cầm cố quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn S phần đất thuộc thửa đất số 493 nêu trên với giá 110 chỉ vàng 24k, trong cùng thời gian đó ông có thể chấp để vay vốn Ngân hàng. Sau đó ông Sang có nhờ ông Lê Chí Th đứng tên cầm cố đất cho ông Huỳnh Thanh T như thế nào thì ông không biết. Vào năm 2016, do ông không trả nợ cho Ngân hàng nên phần diện tích đất nêu trên đã bị phát mãi để thu hồi nợ. Nay ông đồng ý trả lại vàng cho ông S để ông S trả lại cho ông T nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông không có khả năng trả nợ.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 126/2018/DSST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T đối với ông Lê Chí Th.

Buộc ông Lê Chí Th có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Thanh T 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24k loại vàng nữ trang 98% hoặc số tiền tương đương.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T đối với bị đơn ông Lê Chí Th về việc yêu cầu ông Lê Chí Th bồi thường thiệt hại mỗi tháng 3.000.000 đồng tính từ ngày phần diện tích đất nhận cầm cố bị phát mãi để thu hồi nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tách yêu cầu có liên quan giữa ông Lê Chí Th, ông Lê Văn S với ông Nguyễn Minh Tr thành vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/7/2018 bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Tuấn đối với việc đòi ông Th trả 110 chỉ vàng 24k, buộc ông Tr có trách nhiệm trả trực tiếp trong vụ án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới. Đối với ông Lê Văn S và ông Nguyễn Văn Tr tiếp tục vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí của đương sự đúng thời hạn nên hợp lệ về mặt hình thức. Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông S kháng cáo nhưng vắng mặt nhiều lần nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của ông S. Đối với kháng cáo của ông Th, ông Th là người trực tiếp cố đất cho ông T và nhận vàng từ ông T, giữa ông Th, ông T, ông Tr không có việc thiết lập chuyển giao trách nhiệm, ông Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên đề nghị bác kháng cáo của ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền. Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S có yêu cầu kháng cáo nhưng đã được triệu tập hợp lệ 02 lần đối với phiên tòa ngày 23/4/2019 và 15/5/2019 nhưng vẫn vắng mặt nên bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và Hội đồng xét xử đình chỉ kháng cáo của ông Lê Văn S theo quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Tr có liên quan đến việc kháng cáo cũng đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Tr là đúng quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS.

[2]. Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

Theo thừa nhận của các đương sự, thì thấy rằng các bên thực hiện việc cầm cố quyền sử dụng đất từ năm 2005 và năm 2006. Theo khoản 1 Điều 206 của Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất không có quyền cầm cố quyền sử dụng đất nên việc các đương sự thỏa thuận cầm cố quyền sử dụng đất là trái với quy định của pháp luật. Tuy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất không được thừa nhận nhưng số vàng các bên dùng để trao đổi cầm cố quyền sử dụng đất là 110 chỉ vàng là có thật nên vẫn xem xét để giải quyết về hậu quả pháp lý.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Chí Th cho rằng phải xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Minh Tr trong vụ án này chứ không được tách ra thành vụ kiện khác và việc buộc ông Th trả vàng lại cho ông T là thiệt thòi quyền và lợi ích hợp

pháp của ông Th. Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đều khai thông nhất nhau về sự việc cầm cố đất (ông T nhận cầm cố đất từ ông Th, đất do ông Nguyễn Minh Tr đứng tên, cầm cố với số vàng là 110 chỉ vàng 24k). Mặc dù ông Lê Văn S có thừa nhận việc ông Lê Chí Th cầm cố quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thanh T là đứng tên cầm cố thay cho ông và sau khi ông Th nhận vàng đã giao đủ lại cho ông 110 chỉ vàng 24k; còn ông Nguyễn Minh Tr cũng thừa nhận có cầm cố quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn S với số vàng 110 chỉ vàng 24k nhưng việc ông S có nhờ ông Th cố đất cho ông T, ông không biết, hiện nay phần diện tích đất ông cầm cố đã bị phát mãi để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông chưa trả lại cho ông Lê Văn S 110 chỉ vàng 24k đã nhận khi cố đất. Do các đương sự ông Tr, ông S không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án, nên vấn đề các đương sự có giao nhận số vàng cầm cố sẽ được giải quyết thành một vụ kiện khác nếu đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét về nguồn gốc đất mặc dù là của ông Nguyễn Minh Tr nhưng khi ông Huỳnh Thanh T nhận cầm cố quyền sử dụng đất thì ông Lê Chí Th trực tiếp ký giấy cố đất và nhận vàng của ông T. Nên nay ông T khởi kiện thì phải xác định trách nhiệm của người ký và nhận vàng là ông Th. Do phần diện tích đất ông T nhận cầm cố từ ông Th đã bị phát mãi để thu hồi nợ nên ông T không còn đất để canh tác, từ đó ông T khởi kiện đòi lại 110 chỉ vàng 24k ông Th đã nhận, do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Đối với việc cấp sơ thẩm còn sai sót khi tuyên "Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015". Bởi lẽ đối tượng của giao dịch là vàng, bản án tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là 110 chỉ vàng giao dịch liên quan đến vàng là giao dịch đặc thù và chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước, trực tiếp là Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, và chưa có quy định về việc tính lãi trong các giao dịch vàng. Vì vậy không tuyên đương sự phải chịu lãi đối với phần này. Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên trả "*hoặc số tiền tương đương*" là không cần thiết, đương sự cũng không yêu cầu, vấn đề trả bằng tiền tương đương hay không được thực hiện trong quá trình thi hành án.

[8]. Từ những căn cứ trên thấy rằng nội dung bản án sơ thẩm xét xử là có cơ sở, yêu cầu kháng cáo của ông Th là không có căn cứ, vì vậy cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung, sửa về phần tuyên tính lãi. Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.525.000đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do bị bác kháng cáo nên bị đơn ông Lê Chí Th phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Do đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Sang nên ông S phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2, khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

Đình chỉ kháng cáo của ông Lê Văn S

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T. Buộc ông Lê Chí Th có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Thanh T 110 (*một trăm mười*) chỉ vàng 24k loại vàng nữ trang 98%.

Tách yêu cầu có liên quan giữa ông Lê Chí Th, ông Lê Văn S với ông Nguyễn Minh Tr thành vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Chí Th phải nộp số tiền 19.525.000 đồng (*mười chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí.

Ông Huỳnh Thanh T được nhận lại số tiền 11.115.000 đồng (*mười một triệu một trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 002447 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Chí Th, ông Lê Văn S mỗi người phải chịu 300.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 002838 và 002839 cùng ngày 26/7/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ sang thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7 và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H.Thới Lai;
- THA.DS H.Thới Lai;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Quyên